

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 27- 9-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hưng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Dũng; ông Nguyễn Khắc Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:** Ông Y Ker B’Krông – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

*Bị đơn:* Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị Yên L2, trú tại thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

*Người làm chứng:* Chị Lê Thị Ngọc O; địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 19/8/2019, bà Nguyễn Thị H có cho bà Bùi Thị L1 vay 30.000.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng/tháng; hẹn đến ngày 19/9/2019, bà L1 sẽ trả đủ gốc và lãi. Chứng cứ chứng minh bà L1 vay khoản tiền trên là “Giấy vay tiền” nhưng không thể hiện ngày vay, tiền lãi, lãi suất nhưng hẹn trả vào ngày 19/9/2019. Đến nay bà L1 vẫn chưa trả cho bà H, mặc dù bà H đã đòi nợ nhiều

lần. Nay, bà H yêu cầu bà Bùi Thị L1 phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi với mức 1,67%/tháng, tính từ ngày hẹn trả nợ là ngày 19/9/2019 đến ngày bà H làm đơn khởi kiện là ngày 14/4/2021 với số tiền lãi là 9.018.000 đồng.

*Bị đơn bà Bùi Thị L1 trình bày:*

Bà Bùi Thị L1 không nhớ ngày, tháng vay số tiền của bà H; nhưng trong năm 2019, con gái bà L1 là Phạm Thị Yến L2 có vay 30.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H; Do bà H sợ chị L2 không trả được nợ nên yêu cầu bà L1 phải đứng ra ký nhận nợ thay cho chị L2 số tiền là 30.000.000 đồng nên bà L1 đã ký vào “giấy vay tiền” của bà H. Thời gian sau đó (bà L1 không nhớ thời gian cụ thể), bà H đòi nợ nhưng bà L1 chưa có tiền để trả nên bà H “bắt” bà L1 chốt nợ số tiền gốc, lãi của số tiền vay lên đến 40.000.000 đồng dưới hình thức vay 40.000.000 đồng nhưng không đưa lại và cũng không hủy “giấy vay tiền” 30.000.000 đồng trước đó. Thời gian sau (không nhớ cụ thể) bà L1 đã trả hết số tiền gốc và lãi là 44.000.000 đồng cho bà H. Do tin tưởng bà H, bà L1 không yêu cầu trả lại các “giấy vay tiền”, không lấy lại 02 giấy vay tiền mà bà L1 đã ký với bà H trước đó mà chỉ dặn bà H gạch sổ nợ. Bà Bùi Thị L1 xác nhận chữ ký, chữ viết “Bùi Thị L” phần người vay trong “giấy vay tiền” 30.000.000 đồng có thời điểm trả nợ là 19/9/2019 và số tiền 40.000.000 đồng, mà bà H nộp cho Tòa án chính là chữ ký, chữ viết của bà L1 dưới mục “người mượn”; theo bà L1 thì hai giấy vay tiền trên chính là 01 khoản vay 30.000.000 đồng mà bà L1 sau đó đã trả gốc và lãi là 44.000.000 đồng.

Theo bà L1 cung cấp thêm thì đây là khoản vay chị L2 lấy huê ngày của chị Lê Thị Ngọc O, con gái bà H với số tiền 30.000.000 đồng. Do hiện nay chị L2 không có khả năng trả nợ nên chị O, bà H đã lợi dụng bà L1 không lấy lại giấy vay tiền 30.000.000 đồng để khởi kiện bắt bà L1 phải đứng ra trả nợ thay chị L2 số tiền 30.000.000 đồng đã vay của chị O. Do đó, theo bà L1 thì bà L1 không còn nợ nần gì bà H hết nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H.

Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Yến L2, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị L2 không phối hợp với Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án không thể tiến hành đối chất, lấy lời khai theo quy định của pháp luật và đã từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị L2 có mặt và trình bày rằng, thực chất khoản tiền 30.000.000 đồng mà bà H yêu cầu mẹ chị L2 là bà L1 phải trả nợ là khoản nợ mà chị L2 đã vay của chị O. Do thấy chị L2 không có khả năng trả nợ nên chị O đã tự chuyển nợ cho bà H kiện đòi nợ mẹ chị, vì bà H còn giữ giấy nợ 30.000.000 đồng có ký xác nhận của bà Bùi Thị L; nay chị L2 đề nghị tòa án giải quyết để chị L2 đứng ra trả nợ cho chị O.

*Chị Lê Thị Ngọc O trình bày:*

Do bà Nguyễn Thị H (mẹ chị O) không biết viết chữ nên có hai lần bà Bùi Thị L1 đến vay tiền của bà H, thì bà H có nhờ chị O viết giấy vay tiền cho bà Bùi Thị L1 và bà L1 đều ký tên vào phần người vay tiền trong năm 2019,

nhưng không nhớ ngày, tháng vay. Thời gian đã lâu, đến nay chị O không nhớ nội dung của các “giấy vay tiền” mà chị đã viết hộ.

Còn việc chị L2 vay tiền của chị O thì chị L2 vay nhiều lần nhưng hai bên đã thanh toán xong với nhau. Không có sự việc chị O chuyển khoản nợ của chị L2 với số tiền 30.000.000 đồng sang cho bà Nguyễn Thị H, để bà H đòi nợ bà L1 như lời bà L, chị L2 trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; Bà Bùi Thị L1 phải trả bà Nguyễn Thị H tiền vay là 30.000.000 đồng và lãi đến ngày 14/4/2021 theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

2. Bác phần tiền lãi chênh lệch của bà Nguyễn Thị H so với yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Bùi Thị L1 phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí của số tiền không được chấp nhận nhưng vì bà H là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên xác định tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ vay tài sản; bị đơn cư trú tại huyện Lắc; do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chứng cứ bà H chứng minh bà L1 vay 30.000.000 đồng của bà H và hẹn đến ngày 19/9/2019 trả nợ đã được bà L1 thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên đầy đủ dưới mục “Người mượn” là cơ sở xác định bà L1 có vay của bà H 30.000.000 đồng.

Ngoài “Giấy vay tiền” trên, bà H còn cung cấp một cuốn vở học sinh chứng minh ngoài lần vay tiền trên ra, bà L1 còn vay bà H một lần tiền trước đó thể hiện tại “Giấy vay tiền” ngày 25/8/2019, số tiền vay 30.000.000 đồng; hẹn trả nợ vào ngày 26/9/2019; sau đó, đến hạn không trả được thì bà L1 ghi “giấy vay tiền” với nội dung xác nhận có vay 40.000.000 đồng, không rõ thời gian vay nhưng có ghi “...hẹn đến ngày 26/9/2019 ngày trả” ngay sau dòng dưới ghi 26/11/2019 sẽ trả đủ...”. Giấy vay tiền ngày 25/8/2019 đã bị gạch chéo toàn bộ nội dung.

Tuy “Giấy vay tiền” ngày 25/8/2019 chưa được bà L1 thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục “người mượn” nhưng nội dung này phù hợp với nội dung lời khai của bà L1 về tình tiết một lần bà L1 đứng ra vay cho chị L2 30.000.000 đồng sau đó bà H bắt viết giấy vay khác là 40.000.000 đồng nên tại giấy vay tiền ngày 25/8/2019 đã bị gạch sỏ (xóa nợ) còn tại giấy vay 40.000.0000 đồng có hai dòng thể hiện thời gian trả là:

“... hẹn đến ngày 26/9/2019 ngày trả.

26/11/2019 sẽ trả đủ...”

Về hai dòng chữ thể hiện thời gian trả, do bà L1 vắng mặt sau lần kiểm tra chứng cứ lần đầu nên sau đó Tòa án không thể làm rõ được tại sao có hai dòng thể hiện thời gian trả tiền của khoản vay 40.000.000 đồng và khoản này có liên quan gì đến khoản 30.000.000 đồng đã vay ngày 25/8/2019?.

Nay Tòa án chỉ có thể giải thích lại hai dòng thời gian trả nợ này dựa trên ý chí chung của cả bên cho vay và bên vay là: khoản vay 30.000.000 đồng ngày 25/8/2019, thời điểm trả nợ là ngày 26/9/2019. Khi đến hạn trả nợ (ngày 26/9/2019) thì bà L1 viết “giấy vay tiền” 40.000.000 đồng thực chất là khất nợ khoản vay 30.000.000 đồng là khoản vay đến hạn trả vào ngày 26/9/2019 và hẹn đến ngày 26/11/2019 sẽ trả đủ...”.

Việc giải thích lại ngôn từ trong hợp đồng trên là phù hợp với lời khai của chị O; chị O khai chị là người đã hai lần ghi hộ giấy vay nợ khi bà L1 vay tiền bà H và chị O cũng đã thừa nhận hai giấy vay chị O viết hộ là giấy vay 30.000.000 đồng ngày 25/8/2019 và giấy vay 30.000.000 đồng không có ngày vay nhưng thời hạn trả nợ vào ngày 19/9/2019. Việc giải thích ngôn từ không rõ ràng trên được dựa theo các nguyên tắc quy định tại Điều 404 của Bộ luật dân sự về “giải thích hợp đồng”.

Như vậy, khoản vay 30.000.000 đồng có thỏa thuận thời điểm trả nợ vào ngày 19/9/2019 đã được bà L1 thừa nhận chữ ký, chữ viết họ, tên dưới dòng chữ “người mượn” là một khoản vay khác với khoản vay 30.000.000 đồng ngày 25/8/2019. Khoản vay ngày 25/8/2019, bà H thừa nhận đã thanh toán xong và đã gạch sỏ; đến nay, bà L1 chỉ còn nợ khoản vay 30.000.000 đồng có thời điểm trả nợ vào ngày 19/9/2019.

[3] Việc bà L1 khai ra lần vay 30.000.000 đồng, sau đó viết giấy nợ 40.000.000 đồng cả lãi, sau đó bà L1 đã trả cả gốc, lãi là 44.000.000 đồng là để bác bỏ hoàn toàn khoản vay 30.000.000 đồng thời điểm trả nợ vào ngày 19/9/2019 mà bà H đang yêu cầu trả nợ chứ không nhằm yêu cầu giải quyết tranh chấp về lãi và cũng không phải là yêu cầu phản tố; nguyên đơn là bên cho vay cũng không tranh chấp khoản vay này nên Tòa án không xét về gốc, lãi đã trả của các khoản vay 30.000.000 đồng ngày 25/8/2019 và khoản tiền bà L1 đã trả bà H.

[4] Do bà H chứng minh được là bà L1 còn nợ một khoản vay 30.000.000 đồng thời điểm trả nợ vào ngày 19/9/2019; bà L1 không thừa nhận nghĩa vụ trả nợ nhưng cũng không chứng minh được đã trả hay chưa nên việc bà H yêu cầu bà L1 phải trả khoản nợ vay 30.000.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi, bà H yêu cầu tính lãi theo mức lãi 1,67% tháng kể từ khi đến hạn trả nợ ngày 19/9/2019 đến ngày bà H làm đơn khởi kiện ngày 14/4/2021 là 18 tháng, số tiền lãi là 9.018.000 đồng.

Xét thấy, trong “giấy vay tiền” thể hiện khoản vay này các bên không thể hiện lãi, lãi suất; bà H có nêu ra lãi, lãi suất nhưng ngoài lời khai ra thì bà H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh các bên có thỏa thuận về lãi, lãi suất; mặt khác, bà L1 bác bỏ hoàn toàn khoản vay này cũng nghĩa là bà L1 bác bỏ cả gốc, lãi, lãi suất. Do đó, Tòa án xác định khoản vay này là khoản vay có kỳ hạn nhưng không có lãi được quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

Bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà H với số tiền 30.000.000 đồng kể từ ngày 20/9/2019. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự, bà H có quyền yêu cầu bà L1 phải trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (10%/năm) trên số tiền chậm trả tại thời điểm chậm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc; theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thì “Thời điểm trả nợ” là thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2021; theo đó, tiền lãi được tính như sau:  $30.000.000 \times 10\% \times 739 : 365 = 6.073.972$  đồng.

Do bà H yêu cầu số tiền lãi là 9.019.000 đồng là vượt quá số tiền lãi được quyền yêu cầu nên cần bác một phần là  $9.019.000 - 6.073.972 = 2.945.028$  đồng.

[6] Về lãi trong quá trình thi hành án, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP thì các bên không thỏa thuận về việc trả lãi nên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về yêu cầu của chị Phạm Thị YẾN L2, do xác định nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này là của bà L; giữa các bên không có sự chuyển giao quyền, nghĩa vụ trả nợ; chị L2 không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên yêu cầu được đứng ra trả nợ cho bà H của chị L2 thay cho bà L1 không được xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bà Bùi Thị L1 phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo giá ngạch là  $36.073.972 \times 5\% = 1.803.000$  đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận tương ứng với số tiền  $2.945.028 \times 5\% = 147.000$  đồng.

Bà H sinh năm 1956, là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) nên thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; do đó, được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2 và 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; buộc bà Bùi Thị L1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 36.073.900 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 6.073.900 đồng, đã làm tròn).

Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu bà Bùi Thị L1 phải trả tiền lãi là 2.944.073 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

#### **2. Về án phí:**

Bà Bùi Thị L1 phải chịu 1.803.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 147.000 đồng nhưng được miễn nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 27/9/2021; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đường sù;
- VKSND H. Lắ;
- Chi cục THA DS H. Lắ;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Hưng**